

Số: 2151/QĐ-BNN-VP

Hà Nội, ngày 15 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số
ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Bộ - Tổ trưởng Tổ công tác giúp việc Ban Chỉ đạo chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Kế hoạch chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Thông tin và Truyền thông (để b/c);
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Lưu: VT, VP (TIN).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến

KẾ HOẠCH

Chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BNN-VP ngày tháng 6 năm 2022
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)*

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Chuyển đổi số trong nông nghiệp nhằm tạo dựng môi trường, hệ sinh thái số nông nghiệp làm nền móng, kiến tạo thể chế, thúc đẩy chuyển đổi từ “Sản xuất nông nghiệp” sang “Kinh tế nông nghiệp”; phát triển nền nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế

- Tạo sự thay đổi từ nhận thức đến hành động về chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị thuộc ngành và tổ chức, cá nhân tham gia chuỗi giá trị nông nghiệp.

- Đề ra định hướng, phương án, lộ trình triển khai chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 làm cơ sở xây dựng kế hoạch hàng năm và tổ chức triển khai thực hiện chuyển đổi số thống nhất, hiệu quả.

2. Yêu cầu

- Cụ thể hóa các mục tiêu, chỉ tiêu, chỉ số cơ bản, nhiệm vụ, giải pháp chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trên cơ sở Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ về phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số và chuyển đổi số ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025.

- Xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, trách nhiệm thực hiện và đôn đốc, giám sát đối với các cơ quan, đơn vị đảm bảo hoàn thành Kế hoạch chuyển đổi số ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn giai đoạn 2022-2025 (sau đây gọi tắt là Kế hoạch chuyển đổi số giai đoạn 2022-2025).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu đến năm 2025

a) Phát triển Chính phủ số trong nông nghiệp

- 100% dịch vụ công trực tuyến cung cấp ở mức độ 4, được xác thực một lần, cung cấp trên nhiều nền tảng thiết bị; tỷ lệ hồ sơ giải quyết theo dịch vụ công trực tuyến trên tổng số hồ sơ đạt 70%; tích hợp 90% các dịch vụ công trực tuyến với Cổng

Dịch vụ công quốc gia; 90% người dân và doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin báo cáo Quốc gia

- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 80% cơ sở dữ liệu về Nông nghiệp được xây dựng, cập nhật trên nền tảng dữ liệu lớn (Big data) có sự đóng góp của tổ chức, cá nhân, cộng đồng, gồm:

 - + Cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu về cây trồng, vật nuôi, thủy sản;

 - + Xây dựng bản đồ số nông nghiệp sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở để thực hiện dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp, vận hành Chính phủ điện tử, tiến tới Chính phủ số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

 - +Xây dựng nền tảng ứng dụng công nghệ chuỗi khối để cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai phục vụ nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua nền tảng số.

- 50% các thiết bị quan sát, giám sát sử dụng công nghệ số, bảo đảm thu nhận trực tiếp dữ liệu số, sử dụng công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT) để tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp.

- 70% công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành và chuyên môn của ngành hoàn toàn dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu sử dụng công nghệ trí tuệ nhân tạo (AI); trong đó đến 80% công tác giám sát, dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch trong nông nghiệp dựa trên phân tích, xử lý dữ liệu lớn theo thời gian thực, hỗ trợ ra quyết định chính xác, kịp thời, đúng quy định.

- Bảo đảm an toàn thông tin mạng theo mô hình 4 lớp, 100% máy chủ, máy trạm của Bộ được triển khai giải pháp phòng chống mã độc; hoàn thành xác định cấp độ an toàn hệ thống thông tin; 100% hệ thống thông tin được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin.

- 100% người làm việc trong ngành được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

b) Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp

Phát triển kinh tế số trong nông nghiệp nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp, người dân tham gia các hoạt động trong nông nghiệp tăng cường ứng dụng công nghệ số vào quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp; quản lý, giám sát nguồn gốc; hình thành hệ sinh thái nông nghiệp số nhằm khuyến khích người dân và doanh nghiệp tham gia vào chuyển đổi số,...; ứng dụng công nghệ số trong quy trình sản xuất, cung cấp dịch vụ nông nghiệp

Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy

định kỹ thuật phù hợp với sự thay đổi của công nghệ, đảm bảo phát triển, vận hành Chính phủ điện tử trong nông nghiệp, đáp ứng yêu cầu quá trình chuyển đổi số

Tái cấu trúc, chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số thống nhất, ổn định, linh hoạt, ưu tiên áp dụng công nghệ điện toán đám mây (Cloud First); phát triển ứng dụng, dịch vụ mới theo hướng sử dụng chung hạ tầng số, nền tảng số và các dịch vụ công nghệ thông tin sẵn có.

Có khả năng sử dụng dữ liệu số và các công cụ phân tích thông minh để kịp thời đưa ra các quyết sách chính xác trong các hoạt động quản lý nhà nước; cung cấp dịch vụ công thuận tiện theo phương thức số (dịch vụ số), mang lại giá trị gia tăng cho người dân.

Cung cấp dữ liệu mở có thể truy cập, sử dụng dễ dàng; hoàn thiện kho dữ liệu số đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu trong Bộ.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Hiện đại hóa hạ tầng công nghệ thông tin

Hình thành mạng lưới trung tâm dữ liệu dự phòng nhiều điểm, đáp ứng 80% nhu cầu lưu trữ, tính toán và xử lý dữ liệu của Bộ, có tính sẵn sàng, độ ổn định cao.

Thiết lập hạ tầng điện toán đám mây riêng của Bộ, chuyển đổi tài nguyên kỹ thuật (mạng, máy chủ, lưu trữ) thành các dịch vụ đám mây, sẵn sàng ghép nối với nhiều đám mây để hình thành mô hình đám mây thống nhất, linh hoạt.

Triển khai nền tảng dữ liệu theo nguyên tắc “dữ liệu chỉ từ một nguồn”, đáp ứng các yêu cầu về kết nối, chia sẻ tài nguyên thông tin, dữ liệu cho giải quyết thủ tục hành chính và nghiệp vụ chuyên ngành; hỗ trợ phân tích, tổng hợp thông tin phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Bộ.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ

- 100% cán bộ, công chức, viên chức đã được cấp chứng thư số sử dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản, tài liệu điện tử.

- 100% nhiệm vụ giao xuống các đơn vị thuộc Bộ được cập nhật trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ.

- 90% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (không bao gồm nội dung mật) được ký số, gửi qua Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, chia sẻ với Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành.

- 100% cơ sở dữ liệu chuyên ngành của Bộ được hoàn thành và kết nối, chia sẻ trong hoạt động của Bộ.

Hình thành môi trường lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, phát triển dịch vụ dùng chung

trong Bộ an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

100% cán bộ, công chức, viên chức được định kỳ hàng năm tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng số, trong đó, 30% được tập huấn, bồi dưỡng về kỹ năng phân tích và xử lý dữ liệu.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về chất lượng giải quyết thủ tục hành chính.

- 80% dịch vụ công có hồ sơ nộp trong năm phát sinh hồ sơ trực tuyến.

- 70% hồ sơ thủ tục hành chính nộp (bao gồm trực tiếp và trực tuyến) được xử lý hoàn toàn trên môi trường mạng.

d) Bảo đảm an toàn thông tin

- Xây dựng và áp dụng khung bảo đảm an toàn thông tin tổng thể cho Bộ, tuân thủ đầy đủ tại Nghị định số 85/2016/NĐ-CP, Tiêu chuẩn quốc gia TCVN 11930:2017 về Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Yêu cầu cơ bản về an toàn hệ thống thông tin và công văn 1552/BTTTT-CATTT, Quyết định số 1465/QĐ-BTTTT. Khung đảm bảo an toàn thông tin Bộ Thông tin và truyền thông.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động thường xuyên về xác định và bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; giám sát an toàn thông tin; bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; đào tạo, tập huấn, diễn tập; tuyên truyền nâng cao nhận thức; ứng cứu, khắc phục sự cố.

đ) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc nhóm 10 bộ, ngành dẫn đầu về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong toàn giai đoạn 2021-2025. Hình thành hệ sinh thái số trong Bộ, xây dựng thành công Bộ Nông nghiệp và PTNT số.

III. NHIỆM VỤ

1. Hoàn thiện môi trường pháp lý

- Duy trì, cập nhật Kiến trúc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phiên bản 2.0 và các văn bản hướng dẫn tuân thủ Kiến trúc trong thực hiện đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm liên thông, tránh đầu tư trùng lặp.

- Xây dựng, ban hành quy định về tiếp nhận, số hóa, lưu trữ và xử lý hồ sơ, văn bản điện tử của Bộ đúng pháp luật hiện hành về văn thư lưu trữ và chữ ký số.

- Xây dựng, ban hành các quy chế quản lý, vận hành, duy trì các hạ tầng số, nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu triển khai tại Bộ, bảo đảm tính đồng bộ, an toàn thông tin và khả năng chia sẻ kỹ thuật, dữ liệu.

- Xây dựng, ban hành cơ chế khuyến khích thuê dịch vụ công nghệ thông tin và an toàn thông tin trong Bộ, ưu tiên thuê tập trung theo cách thức ký thỏa thuận khung.

- Hoàn thiện, ban hành chính thức các quy trình về thử nghiệm dịch vụ, sản phẩm công nghệ thông tin không sẵn có trên thị trường áp dụng cho các đơn vị thuộc Bộ.

- Xây dựng, ban hành chế độ đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin.

- Xây dựng, ban hành, cập nhật danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

2. Hoàn thiện, nâng cao chất lượng hạ tầng số

- Xây dựng trung tâm dữ liệu thuộc Bộ có đường truyền Internet băng rộng tốc độ cao, kết nối trực tiếp với hệ thống trung chuyển Internet quốc gia (VNIX), đáp ứng nhu cầu lưu trữ, xử lý dữ liệu của Bộ với khả năng sẵn sàng và độ ổn định cao.

- Thực hiện tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6); ứng dụng công nghệ điện toán đám mây kết nối, quản lý các tài nguyên điện toán, tạo môi trường lưu trữ, chia sẻ dữ liệu, phát triển dịch vụ công nghệ thông tin trong Bộ an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả; triển khai hệ thống dự phòng thống nhất trên cơ sở mô hình hạ tầng điện toán đám mây riêng (hệ thống Private Cloud), sẵn sàng kết nối với đám mây của bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền.

- Xây dựng hệ thống trung tâm điều hành, quản lý mạng (NOC) giám sát giám sát mạng lưới đến từng nút mạng, lưu lượng truy xuất, truyền đưa dữ liệu và điều chỉnh các hướng kết nối ra bên ngoài; ứng dụng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT) vào quản lý hạ tầng số.

3. Xây dựng, phát triển nền tảng số

- Xây dựng nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của Bộ (LGSP), đảm bảo kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NGSP).

- Hoàn thiện nền tảng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử.

- Thí điểm xây dựng và triển khai tại Bộ một hệ sinh thái số và nền tảng di động cho các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ chính phủ điện tử, chính phủ số.

- Thực hiện hệ thống hóa mã định danh, quản lý danh mục điện tử chung.

- Xây dựng nền tảng dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cung cấp các công cụ phân tích dữ liệu trực tuyến.

- Phát triển nền tảng đám mây ứng dụng (Cloud PC) cho phép truy cập máy tính cá nhân mọi lúc mọi nơi, từ mọi thiết bị.

4. Phát triển dữ liệu

- Thiết kế kiến trúc dữ liệu tổng thể, các định dạng gói tin, danh mục chỉ mục dữ liệu và dịch vụ dữ liệu chia sẻ, bảo đảm nguyên tắc mỗi loại dữ liệu chỉ do một đầu mối cung cấp.

- Tổ chức thu thập dữ liệu, thực hiện số hóa và lập chỉ mục dữ liệu đã được số hóa, chuẩn hóa cấu trúc và chuyển đổi các dữ liệu căn bản trong lĩnh vực nông nghiệp

và phát triển nông thôn thành dữ liệu điện tử.

- Xây dựng cổng dữ liệu công bố dữ liệu mở, cung cấp thông tin về chia sẻ dữ liệu của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khai thác các tài liệu, dịch vụ, công cụ, ứng dụng xử lý, thông tin, dữ liệu mở từ cổng dữ liệu quốc gia.

- Triển khai kết nối, liên thông dữ liệu từ các hệ thống, cơ sở dữ liệu đang hoạt động (trong Bộ và ngoài Bộ) thông qua các hệ thống, nền tảng chia sẻ, tích hợp của Bộ (LGSP), của quốc gia (VDXP, NGSP).

5. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ hoạt động nội bộ

- Xây dựng mới, nâng cấp và hoàn thiện các hệ thống thông tin phục vụ chỉ đạo, điều hành của Bộ.

- Xây dựng hệ thống giám sát và điều hành thông minh (IOC).

- Xây dựng mới, nâng cấp các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu chuyên ngành thuộc lĩnh vực quản lý của Bộ về Thủy sản, Phòng chống thiên tai, Lâm nghiệp, Thủy lợi, Chăn nuôi, Trồng trọt,...

- Xây dựng hệ thống đào tạo, bồi dưỡng trực tuyến.

b) Phát triển triển các ứng dụng, dịch vụ công nghệ thông tin phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Phát triển, hoàn thiện cổng dịch vụ công, hệ thống thông tin một cửa điện tử của Bộ, triển khai đến tất cả các đơn vị có thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính, liên thông với Hệ thống Hải quan một cửa quốc gia và Cổng dịch vụ công quốc gia.

- Triển khai các kênh tương tác trực tuyến để người dân tham gia, giám sát hoạt động xây dựng, thực thi chính sách, pháp luật, ra quyết định của Bộ.

- Hoàn thiện chức năng đánh giá sự hài lòng về chất lượng dịch vụ công, chức năng tổng hợp tiến độ, tình hình xử lý thủ tục hành chính.

- Xây dựng kho quản lý dữ liệu điện tử để quản lý, lưu giữ thông tin, dữ liệu điện tử khi thực hiện các giao dịch trực tuyến với các đơn vị thuộc Bộ.

6. Bảo đảm an toàn thông tin mạng

- Xây dựng quy chế và triển khai áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin theo tiêu chuẩn hiện hành vào hoạt động của Bộ.

- Thực hiện kiểm tra, đánh giá định kỳ về an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Hàng năm tổ chức diễn tập về bảo đảm an toàn thông tin cho các đơn vị trực thuộc Bộ.

- Đảm bảo khả năng sao lưu dự phòng, khôi phục dữ liệu quan trọng của Bộ trong vòng tối thiểu 3 năm.

- Hoàn thành và duy trì công tác triển khai bảo đảm an toàn thông tin của Bộ theo mô hình 04 lớp.

- Triển khai đồng bộ, toàn diện Chỉ thị 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ nhằm tăng cường, nâng cao năng lực phòng, chống mã độc.

7. Phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin và an toàn thông tin, đáp ứng yêu cầu quản lý, vận hành, quản trị sử dụng hạ tầng kỹ thuật và các hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chủ động nghiên cứu, hợp tác, phát triển nguồn nhân lực hiện có để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ.

- Tăng cường đào tạo kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động tại Bộ thông qua các hình thức đào tạo nội bộ, đào tạo qua việc cụ thể.

- Có chính sách ưu đãi các cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ công nghệ thông tin và an toàn thông tin tại các đơn vị thuộc Bộ.

(Phân công nhiệm vụ, tiến độ hoàn thành tại phụ lục kèm theo)

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức, kỹ năng số rộng rãi, qua nhiều kênh truyền thông, mà chủ yếu là hệ thống cổng thông tin điện tử và các trang tin điện tử của các đơn vị.

- Khuyến khích việc tăng cường tương tác giữa cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Bộ với người dân, doanh nghiệp sử dụng công nghệ số (thiết bị di động, các mạng xã hội, các kênh thông tin phi truyền thống khác).

- Đẩy mạnh truyền thông về các hệ thống, ứng dụng của Bộ có đối tượng sử dụng là tổ chức, người dân, doanh nghiệp trên các phương tiện thông tin đại chúng, qua thư điện tử, ứng dụng di động trực tiếp đến người dùng.

- Người đứng đầu tại mỗi đơn vị chịu trách nhiệm trực tiếp về chất lượng việc gắn nhiệm vụ về ứng dụng công nghệ thông tin với mục tiêu chuyển đổi số, cải cách văn hóa, phương thức làm việc và các mối quan hệ từ môi trường truyền thống sang môi trường số an toàn, tích cực.

2. Phát triển các mô hình kết hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp

- Chủ động phối hợp với doanh nghiệp thử nghiệm công nghệ mới (như trí tuệ nhân tạo - AI, chuỗi khối - blockchain, thực tế ảo/thực tế tăng cường - VR/AR), các giải pháp, dịch vụ công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường và các phương thức mới dựa trên công nghệ số.

- Huy động sự tham gia của cộng đồng, cho phép các tổ chức, doanh nghiệp

cùng khai thác hệ thống công nghệ thông tin, các nền tảng và cơ sở dữ liệu của Bộ phục vụ việc phát triển hệ sinh thái sản phẩm chính phủ điện tử, chính phủ số ứng dụng công nghệ mới.

- Kiểm tra, đánh giá và công bố các giải pháp, sản phẩm số của doanh nghiệp đáp ứng yêu cầu chức năng, tính năng kỹ thuật và giá trị sử dụng trong hoạt động phát triển chính phủ số.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học về công nghệ số có tiềm năng áp dụng trong triển khai chính phủ điện tử, chính phủ số (như điện toán đám mây, dữ liệu lớn, di động, mạng xã hội, trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối,...) có sự tham gia của các nhà khoa học, các tổ chức, viện nghiên cứu đầu ngành.

- Ứng dụng các công nghệ tự động hóa (trả lời tự động), thông minh hóa (trợ lý ảo), tối ưu hóa các quy trình xử lý, trải nghiệm người dùng trong các ứng dụng, dịch vụ chuyên ngành và cung cấp dịch vụ công đã triển khai.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Tăng cường gắn kết, phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị có chuyên môn về công nghệ thông tin, an toàn thông tin. Có giải pháp về bảo đảm số lượng và nâng cao về chất lượng cho cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, an toàn thông tin đáp ứng việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin tại các cơ quan, đơn vị.

- Tận dụng tối đa năng lực hạ tầng kỹ thuật sẵn có của các cơ quan, đơn vị cho các nhiệm vụ cần triển khai ngay mà chưa sắp xếp được kinh phí để đẩy nhanh thời gian triển khai và nâng cao hiệu quả đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin chung của cả Bộ.

- Có chính sách ưu tiên cho cán bộ làm công tác chuyên trách ứng dụng công nghệ thông tin tại các đơn vị thuộc Bộ.

5. Thúc đẩy hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm và tăng cường hợp tác quốc tế

- Tổ chức, tham gia các hoạt động hợp tác, học tập, chia sẻ kinh nghiệm với các Bộ, ngành, địa phương về xây dựng chính phủ điện tử, chuyển đổi số, phát triển chính phủ số.

- Triển khai các hoạt động tìm hiểu thực tế mô hình phát triển chính phủ điện tử, chuyển đổi số thành công tại các nước.

- Tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến quốc tế; quảng bá, tạo thị trường cho các sản phẩm, dịch vụ công nghệ thông tin, dịch vụ chính phủ số của các doanh nghiệp số Việt Nam.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.
3. Từ các nguồn viện trợ, hỗ trợ, tài trợ và nguồn hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ

- Theo chức năng, nhiệm vụ của mình thực hiện tốt các nhiệm vụ của Kế hoạch, cụ thể hóa thành các đề án, dự án, công việc rõ thời gian thực hiện và kết quả đầu ra; tổ chức triển khai các biện pháp phù hợp để góp phần nâng cao chất lượng việc ứng dụng công nghệ thông tin, bảo đảm an toàn thông tin và chuyển đổi số trong phạm vi tổ chức của mình.

- Báo cáo hàng năm và đột xuất tình hình thực hiện Kế hoạch này theo hướng dẫn và yêu cầu của Văn phòng Bộ để tổng hợp báo cáo Bộ trưởng.

- Thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định; triển khai biện pháp cụ thể để thúc đẩy việc nộp hồ sơ trực tuyến và tăng tỷ lệ hồ sơ được giải quyết trực tuyến. Chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng về chất lượng xử lý dịch vụ công trực tuyến (tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến, tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến) đối với các dịch vụ công thuộc tham quyền của mình.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ, Trung tâm Tin học và Thông kê vận hành hệ thống thông tin trên hạ tầng công nghệ thông tin dùng chung của Bộ.

- Tổ chức xây dựng, phê duyệt và triển khai các dự án, nhiệm vụ công nghệ thông tin được giao theo đúng quy định pháp luật và kế hoạch ngân sách nhà nước, bao đảm sự lồng ghép về nội dung, kinh phí với các chương trình, kế hoạch, dự án công nghệ thông tin khác đang triển khai (nếu có), tránh trùng lặp, lãng phí.

2. Văn phòng Bộ

- Chủ trì tổ chức, phối hợp triển khai thực hiện Kế hoạch này; xây dựng và trình Bộ trưởng ban hành kế hoạch triển khai chi tiết hàng năm; tuyên truyền, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra tình hình và đánh giá mức độ hoàn thành các mục tiêu nêu tại Mục III và việc thực hiện nhiệm vụ tại Mục IV, Phần II để kịp thời báo cáo Bộ trưởng điều chỉnh nội dung của Kế hoạch này cho phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tế;

- Đề xuất bổ sung phân công cụ thể đơn vị thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch vào kế hoạch hàng năm về chuyển đổi số của Bộ.

- Thẩm định, cho ý kiến đối với các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án công nghệ thông tin thuộc phạm vi, thẩm quyền quyết định của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Thực hiện đánh giá hiệu quả hoạt động, kiểm tra và xác định mức độ chấp hành thiết kế cơ sở, thiết kế chi tiết của các hệ thống thông tin.

- Nghiên cứu, đề xuất phương án kỹ thuật sử dụng, chia sẻ hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm sự tương thích, thông suốt và an toàn thông tin.

3. Vụ Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ tổng hợp, tham mưu Bộ trưởng bố trí kinh

phí theo kế hoạch ngân sách hàng năm để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch này.

- Hướng dẫn, tạo điều kiện bố trí kinh phí theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin, trước mắt ưu tiên triển khai các dịch vụ công có thu.

4. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Đề xuất các biện pháp đồng bộ việc đẩy mạnh chuyển đổi số tại Bộ phù hợp với Chương trình chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030.

- Nghiên cứu, xây dựng và đề xuất áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật liên quan, phục vụ cho các hoạt động về chuyển đổi số”

5. Trung tâm Tin học và Thống kê

- Hướng dẫn, yêu cầu kỹ thuật về an toàn thông tin trong các dự án về công nghệ thông tin, an toàn thông tin theo quy định.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ tổ chức đào tạo, tập huấn, tăng cường năng lực ứng cứu, xử lý sự cố an toàn thông tin cho cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin tại các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ.

- Chủ trì tổ chức các hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu đang vận hành trong Bộ; kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin cho các thiết bị kỹ thuật theo phân công của Lãnh đạo Bộ.

- Phối hợp với Văn phòng Bộ trong các hoạt động giám sát an toàn hệ thống thông tin của Bộ, hoạt động ứng cứu, xử lý sự cố, phòng chống tấn công mạng./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT